TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. L **THÀNH PHỐ Đ**	**CỘNG HèA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản ỏn số 04/2023/KDTM - ST
Ngày 18.08.2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng Mua bỏn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TềA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phỏn - Chủ tọa phiờn tũa: Bà **Trần Thị Ánh N**
Cỏc Hội thẩm nhõn dõn:
1. Ông **Trịnh Văn B**
2. Ông **Nguyễn Công C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim T** - Thư ký Tũa ỏn nhõn dõn quận L, thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang T** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 thỏng 08 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 30 tháng 1 năm 2023 về việc *" Tranh chấp Hợp đồng mua bán "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-KDTM ngày 20 thỏng 7 năm 2023, Quyết định hoón phiờn tũa số 09/2023/QĐST-KDTM ngày 08 thỏng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xi măng V** - Trụ sở: Khối 7, phường Q, thị xã H, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình D**

Người đại diện theo ủy quyền: ễng **Lương Thế D** - Chức vụ: Phó phòng kế toán tổng hợp Ban đầu tư xây dựng - Tổ trưởng tổ thu hồi công nợ Xí nghiệp Bê tông và xây dựng (Theo Giấy ủy quyền số 2220/UQ-XMHM ngày 26/7/2022 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng V) - Địa chỉ liên hệ: Số 09 Ngõ A, ngách A, đường N, khối T, phường H, thành phố V, tỉnh N, có mặt.

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư T** - Trụ sở: Đường số 5, KCN Hòa Khánh, quận L, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Phước H** - Sinh năm 1969 - Chức vụ: Tổng Giám đốc - Trú tại: Số 448 đường Đ, phường Đ, quận K, thành phố Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH H -** Trụ sở: K313/39 đường N, phường K, quận T, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lờ Thị Lệ H** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tấn P** - Chức vụ : Phó Giám đốc Công ty (Theo Giấy ủy quyền ngày 01.8.2022), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11 thỏng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH H và Xí nghiệp bê tông và xây dựng thuộc Công ty cổ phần xi măng V có ký kết Hợp đồng số 22/BTHM-HKP/2014 ngày 25.11.2014 và Hợp đồng số 32/BTHM/HKP/2015 ngày 09.9.2015 về việc Mua bán Bê tông thương phẩm. Do Công ty TNHH H là đơn vị thi công công trình cho Công ty cổ phần đầu tư T, vì vậy để đảm bảo việc thanh toán tiền mua bán bê tông được thực hiện theo thỏa thuận, ngày 15.10.2015, giữa ba bên gồm : Công ty TNHH H, Công ty cổ phần xi măng V và Công ty cổ phần đầu tư T đó ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/BTHM-HKP-TKP/2015 về việc mua bán bê tông thương phẩm. Theo Hợp đồng ba bên ký kết thể hiện Công ty cổ phần đầu tư T đồng ý giao cho Công ty TNHH H thi công công trình nhà kho của Công ty cổ phần Sabeco S và Công ty TNHH H đồng ý mua bán bê tông thương phẩm đối với Công ty cổ phần xi măng V.

Ngày 27.01.2016, Công ty TNHH H, Cụng ty cổ phần xi măng V và Công ty cổ phần đầu tư T đó ký Biên bản thỏa thuận về việc thanh toỏn công nợ giữa ba bên. Theo Biên bản thỏa thuận xác nhận : Công ty TNHH H còn nợ của Công ty cổ phần xi măng V– Xí nghiệp bê tông và xây dựng số tiền còn lại 1.311.000.250đ và Công ty cổ phần đầu tư T sẽ chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cho Công ty cổ phần xi măng V– Xí nghiệp bê tông và xây dựng thay cho Công ty TNHH H từ ngày 27.1.2016.

Cùng ngày 27.1.2016, Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và Công ty cổ phần đầu tư T đó tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó xác nhận Công ty cổ phần đầu tư Tân Khai Phát còn nợ Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bờ tụng số tiền 1.311.000.250.

Tuy nhiờn, sau khi thực hiện việc ký biờn bản thỏa thuận xong, Công ty cổ phần xi măng V đó rất nhiều lần làm việc trực tiếp, gửi văn bản yêu cầu thanh toán dứt điểm số nợ nhưng Công ty cổ phần đầu tư T vẫn cố tình kéo dài thời gian thanh toỏn. Công ty cổ phần đầu tư T đó nhiều lần gửi công văn cam kết thời hạn trả tiền nhưng vẫn không thanh toán thể hiện : Giấy cam kết ngày 11.5.2016, 04.10.2016, 27.10.2016 và biờn bản họp ngày 02.1.2017.

Để xỏc nhận số tiền cũn nợ lại, vào ngày 01.1.2020 và ngày 01.7.2020, giữa Công ty cổ phần xi măng V và Công ty TNHH H đó tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó Công ty TNHH H xác nhận còn nợ Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ.

Công ty cổ phần đầu tư T đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty cổ phần xi măng V yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải thanh toỏn số tiền là 988.120.250đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải thanh toỏn số tiền là 988.120.250đ và không yêu cầu tính lãi.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty cổ phần đầu tư T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng Công ty cổ phần đầu tư T đều vắng mặt không có lý do. Ngày 12.7.2023, Công ty cổ phần đầu tư T có gửi Bản trình bày đến Tòa án thể hiện nội dung : Năm 2015, Công ty cổ phần đầu tư T có nhận tổng thầu xây dựng công trình kho chứa hàng của Công ty cổ phàn bao bì Sabeco L, khu cụng nghiệp Bắc V – Tỉnh N. Công ty T có ký hợp đồng giao lại cho Công ty TNHH H làm thầu phụ để thi công toàn bộ hạng mục xây dựng. Trong quá trình thi cụng, Cụng ty H đó trực tiếp tỡm kiếm đối tác để hợp tác cung cấp vật tư phục vụ công trình và Công ty H đó ký Hợp đồng với Công ty cổ phần xi măng V để cung cấp bê tông cho hạng mục sân nền nhà kho. Việc ký kết là do hai bên tự quyết định ký hợp đồng, không liên quan đến Công ty T. Trong quá trình thi công đến hạng mục đổ bê tông giai đoạn 1 của dự án, Công ty cổ phần xi măng V đó thực hiện được 50% khối lượng và dừng khụng tiếp tục thực hiện cung cấp bờ tụng để hoàn thiện cho giai đoạn 1, Công ty H có báo cho Công ty T là Công ty cổ phần xi măng V yêu cầu phải thanh toán khối lượng đó thực hiện thỡ mới tiếp tục phần còn lại cho giai đoạn 1 của công trình. Vì dự án chưa đến điểm dừng kỹ thuật để được thanh toán, để kịp tiến độ công trỡnh buộc Cụng ty Tõn Khai Phỏt đó cú buổi làm việc ba bên với Công ty H và Công ty cổ phần xi măng V. Trong buổi làm việc, Công ty cổ phần xi măng V đề xuất: Hợp đồng kinh tế cung cấp vật liệu mà trước đây Công ty H đó ký với Công ty cổ phần xi măng V sẽ được ký lại với Công ty T, Công ty T cú trỏch nhiệm trả nợ thay cho Cong ty H về khoản nợ cũn lại với Công ty cổ phần xi măng V và phải thanh toán một phần cụng nợ cho Công ty cổ phần xi măng V thì Công ty H mới tiếp tục thực hiện cung cấp bê tông đề hoàn thiện công trình.

Để đảm bảo tiến độ cho dự án, ngày 27.1.2016, Công ty T có lập biên bản thỏa thuận về việc thanh toán cũng nợ giữa ba bên. Số tiền Công ty T có trách nhiệm thanh toỏn thay cho Công ty H là 1.311.000.250đ. Sau khi ký thỏa thuận ba bên, Công ty T đó thụng qua Công ty H để thanh toán cho Công ty H một phần công nợ theo đề xuất nhưng Công ty cổ phần xi măng V vẫn không cung cấp bê tông công trình như đó cam kết nờn khiến cho tiến độ công trỡnh chậm trễ, chủ đầu tư cắt hạng mục bê tông sân nền của dự án làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty T. Công ty T không ký bất cứ biờn bản xỏc nhận nào với cụng nợ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai nờn việc Công ty cổ phần xi măng V buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải trả số tiền 988.120.250đ là không có cơ sở.

Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 04.8.2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư T có ông Nguyễn Phước H đã xác nhận nội dung :

Công ty cổ phần đầu tư T thừa nhận và xác nhận có ký cóc Biờn bản:

- Biờn bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ giữa ba bên ngày 27.1.2016 với nội dung Công ty T chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 1.311.000.250đ cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng thay cho Công ty TNHH H.

- Biên bản xác nhận công nợ ngày 27.1.2016, Công ty cổ phần đầu tư T cũn nợ Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng số tiền 1.311.000.250đ.

- Giấy cam kết ngày 04.10.2016, Công ty cổ phần đầu tư T có cam kết trả cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng số tiền 1.311.000.250đ và Giấy cam kết ngày 11.5.2016.

Đối với số tiền Công ty cổ phần xi măng V yêu cầu Công ty T phải trả là 988.120.250đ, Công ty T sẽ trả khi hai bên Công ty cổ phần xi măng V và Công ty H xác nhận số tiền bê tông đó đổ. Công ty cổ phần đầu tư T thừa nhận và xác nhận còn nợ của Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ, tuy nhiên Công ty cổ phần đầu tư T đang gặp khó khăn khi có vụ kiện đòi tài sản tại Tòa án nhân dân quận T. Khi nào giải quyết xong vụ án của Công ty lấy lại tài sản thì Công ty cổ phần đầu tư T sẽ hoàn trả lại số nợ trên cho Công ty cổ phần xi măng V. Nay toàn bộ ý kiến của Công ty cổ phần đầu tư T đều được thể hiện trong Bản tự khai ngày 04.8.2023 thay thế cho đơn trình bày gửi ngày 12.7.2023.

Đồng thời, ông Nguyễn Phước H - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần đầu tư T có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 04.8.2023.

* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liờn quan – Công ty TNHH H có ông Lê Tấn P trình bày:

Vào năm 2014, Công ty TNHH H có ký hợp đồng thi công với Công ty cổ phần đầu tư T về việc thi công công trình nhà máy S. Sau đó giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần xi măng V có ký kết Hợp đồng số 22/BTHM-HKP/2014 ngày 25.11.2014 và Hợp đồng số 32/BTHM/HKP/2015 ngày 09.9.2015 về việc Mua bán Bê tông thương phẩm. Theo Hợp đồng đó ký kết, Công ty cổ phần xi măng V đó cung cấp khối lượng Bê tông đúng theo yêu cầu, đảm bảo số lượng và chất lượng. Tuy nhiên Công ty TNHH H mới chỉ thanh toán được cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tụng và xây dựng số tiền 53.245.000đ, số tiền cũn lại 988.120.250đ, Công ty TNHH H vẫn chưa thanh toán. Để đảm bảo cho khoản thanh toán tiền nợ cung cấp vật tư, theo yêu cầu của Công ty cổ phần xi măng V, ngày 27.1.2016 giữa 3 bên : Công ty TNHH Hoàng Khoa Phát, Công ty cổ phần đầu tư T và Công ty cổ phần xi măng V đó ký kết Biên bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ giữa ba bên. Theo Biên bản, Công ty cổ phần đầu tư T đồng ý trả nợ thay cho Công ty TNHH H đối với khoản nợ của Công ty cổ phần xi măng V. Do Công ty cổ phần xi măng V cho rằng Công ty TNHH H không đủ năng lực để ký Hợp đồng đối với các dự án này nên buộc phải ký cam kết giữa 3 bờn.

Như vậy, theo thỏa thuận, Công ty cổ phần xi măng V cung cấp vật tư cho công trình để Công ty TNHH H thi công nhưng người thanh toán là Công ty cổ phần đầu tư T.

Hiện nay, Công ty TNHH H xác nhận số tiền nợ lại của Công ty cổ phần xi măng V là 988.120.250đ, tuy nhiên toàn bộ số nợ này là do Công ty cổ phần đầu tư T phải trả nên đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xi măng V thì Công ty TNHH H không phải trả.

Cụng ty TNHH H có ký biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 01.1.2020 và ngày 01.7.2020, giữa Công ty cổ phần xi măng V và Công ty TNHH H, theo đó Công ty TNHH H xác nhận còn nợ Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ là bởi vỡ Cụng ty TNHH H xác nhận còn nợ lại của Công ty cổ phần xi măng V số tiền như trên, cũn mọi khoản thanh toán là do Công ty cổ phần đầu tư Tân Khai Phát phải trả nên không liên quan gỡ đến Công ty TNHH H.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L phát biểu:

Thẩm phán đó thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trỡnh giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đó thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đó tuõn thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tũa được tiến hành khách quan, đúng trình tự theo quy định tại Mục 3 Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đó thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đó thực hiện đúng quyền và lợi ích hợp pháp quy định tại điều 70 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 50, 55 Luật thương mại và điều 274, 280, 370 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải trả cho Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TềA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần xi măng V khởi kiện tại Tũa ỏn nhõn dõn quận L, thành phố Đ nơi cú trụ sở của bị đơn – Công ty cổ phần đầu tư T là phù hợp với qui định tại điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ phỏp luật: Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư Tân Khai Phát phải thanh toỏn số tiền là 988.120.250đ và khụng yờu cầu tớnh lói theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 01/BTHM-HKP-TKP/2015 ngày 15.10.2015, Biên bản thỏa thuận ngày 27.1.2016 về việc thanh toỏn cụng nợ giữa ba bờn Cụng ty TNHH H, Công ty cổ phần xi măng V và Công ty cổ phần đầu tư T và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01.7.2020 giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần xi măng V

Hợp đồng mua bán được thể hiện bằng văn bản, được xác lập bằng hành vi cụ thể giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa "* theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015 và điều 24 Luật thương mại.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cú trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xột xử có đủ cơ sở để xác định:

Công ty TNHH H có ký hợp đồng thi công với Công ty cổ phần đầu tư T về việc thi công công trình nhà máy N. Sau đó giữa Công ty TNHH H và Công ty cổ phần xi măng V có ký kết Hợp đồng số 22/BTHM-HKP/2014 ngày 25.11.2014 và Hợp đồng số 32/BTHM/HKP/2015 ngày 09.9.2015 về việc Mua bán Bê tông thương phẩm. Đồng thời Công ty TNHH H, Công ty cổ phần xi măng V và Công ty cổ phần đầu tư T đó ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/BTHM-HKP-TKP/2015 về việc mua bán bê tông thương phẩm. Theo Hợp đồng ba bên ký kết thể hiện Công ty cổ phần đầu tư T đồng ý giao cho Công ty TNHH H thi công công trình nhà kho của Công ty cổ phần S và Công ty TNHH H đồng ý mua bán bê tông thương phẩm đối với Công ty cổ phần xi măng V. Ngày 27.01.2016, Công ty TNHH H, Công ty cổ phần xi măng V và Công ty cổ phần đầu tư T đó ký Biên bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ giữa ba bên. Theo Biên bản thỏa thuận xác nhận : Công ty TNHH H còn nợ của Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tụng và xây dựng số tiền cũn lại 1.311.000.250đ và Công ty cổ phần đầu tư T sẽ chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng thay cho Công ty TNHH H từ ngày 27.1.2016.

Cùng ngày 27.1.2016, Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và Công ty cổ phần đầu tư T đó tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó xác nhận Công ty cổ phần đầu tư T còn nợ Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông số tiền 1.311.000.250.

Xét Hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bản có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán, bờn mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận. Như vậy, hợp đồng do các bên đó tự nguyện ký kết cú hỡnh thức, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xó hội, hợp đồng được thể hiện bằng văn bản và được xác lập bằng hành vi cụ thể nên có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực đối với các bên là phù hợp với điều 116, 117 Bộ luật dõn sự và điều 24 Luật thương mại.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy :

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần xi măng V đó thực hiện đúng theo thỏa thuận đó cam kết cung cấp bê tông thương phẩm để thi công công trỡnh. Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 01/BTHM-HKP-TKP/2015 ngày 15.10.2015 về việc mua bán bê tông thương phẩm và Biên bản thỏa thuận giữa ba bên đó xỏc nhận : Công ty TNHH H còn nợ của Công ty cổ phần xi măng V – Xớ nghiệp bê tông và xây dựng số tiền còn lại 1.311.000.250đ và Công ty cổ phần đầu tư T sẽ chịu trách nhiệm thanh toán công nợ cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng thay cho Công ty TNHH H từ ngày 27.1.2016. Đồng thời Công ty cổ phần đầu tư T và Công ty cổ phần xi măng V đó ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 27.1.2016 về việc xác nhận côn nợ số tiền 1.311.000.250đ, thể hiện trong các Giấy cam kết ngày 04.10.2016, Công ty cổ phần đầu tư T có cam kết trả cho Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai – Xí nghiệp bê tông và xây dựng số tiền 1.311.000.250đ và Giấy cam kết ngày 11.5.2016. Để thực hiện đúng thỏa thuận, sau khi quyết toán hoàn chỉnh công nợ còn lại và căn cứ vào số liệu chưa xuất hóa đơn, Công ty TNHH H đó ký biên bản đối chiếu công nợ vào ngày

01.1.2020 và ngày 01.7.2020 với Công ty cổ phần xi măng V và xác nhận còn nợ Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ.

Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ba bên về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ phù hợp với quy định tại điều 370 Bộ luật Dân sự : " *Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý ....Khi được chuyển giao nghĩa vụ thỡ người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ* ". Do đó nghĩa vụ trả nợ là do Công ty cổ phần đầu tư Tân Khai Phát phải thực hiện đối với Công ty cổ phần xi măng V theo thỏa thuận là đúng quy định của pháp luật và phù hợp ý chớ của các bên. Vì vậy, số tiền nợ còn lại là 988.120.250đ, Công ty cổ phần đầu tư T vẫn chưa thanh toán là đó vi phạm nghĩa vụ thanh toỏn theo quy định điều 50, 55 Luật thương mại; Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải trả cho Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nhưng thể hiện qua văn bản xác nhận, giữa Công ty cổ phần đầu tư T và Công ty cổ phần xi măng V có ký các Biên bản bản thỏa thuận về việc thanh toán công nợ giữa ba bên ngày 27.1.2016 với nội dung Công ty T chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 1.311.000.250đ cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng thay cho Công ty TNHH H; Biên bản xác nhận công nợ ngày 27.1.2016, Công ty cổ phần đầu tư T còn nợ Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng số tiền 1.311.000.250đ và các Giấy cam kết ngày 04.10.2016, Công ty cổ phần đầu tư T có cam kết trả cho Công ty cổ phần xi măng V – Xí nghiệp bê tông và xây dựng số tiền 1.311.000.250đ và Giấy cam kết ngày 11.5.2016. Đồng thời thừa nhận còn nợ của Công ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ, tuy nhiên Công ty cổ phần đầu tư Tân Khai Phát đang gặp khó khăn khi có vụ kiện đòi tài sản tại Tòa án nhân dân quận T. Khi nào giải quyết xong vụ án của Công ty lấy lại tài sản thì Công ty cổ phần đầu tư T sẽ hoàn trả lại số nợ trên cho Công ty cổ phần xi măng V.

Xét yêu cầu của bị đơn, HĐXX nhận thấy : Công ty cổ phần đầu tư T và Công ty cổ phần xi măng V cùng thống nhất xác nhận còn nợ số tiền 988.120.250đ. Điều này phù hợp với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp. Bị đơn thừa nhận và chấp nhận trả nợ nhưng đề nghị chờ giải quyết xong vụ án đòi tài sản ở Tòa án nhân dân quận T mới có khả năng trả nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty cổ phần xi măng V không đồng ý với yêu cầu của bị đơn nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị đơn là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Như vậy, số tiền nợ buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải trả cho Công ty cổ phần xi măng V là : 988.120.250đ.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000đ + (188.120.250đ x 3%) = 41.643.608đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại ; Điều 274, 370, 280 Bộ luật Dõn sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dõn sự.

1. Chấp nhận yờu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xi măng V đối với Công ty cổ phần đầu tư T về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán".

Xử: Buộc Công ty cổ phần đầu tư T phải trả cho Cụng ty cổ phần xi măng V số tiền 988.120.250đ (Chín trăm tám mươi tám triệu một trăm hai mươi nghỡn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần xi măng V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty cổ phần đầu tư T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 41.643.608 đồng (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghỡn sỏu trăm lẻ tám đồng) Công ty cổ phần đầu tư T phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần xi măng V số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) đó nộp tại biên lai thu số 0009684 ngày 23 thỏng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh N.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh N

Nơi nhận :
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Viện KSND Quận L.*
- *Lưu hồ sơ vụ án*